

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng
tỉnh Bình Định năm 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 84/TTr-SNN ngày 12/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng tỉnh Bình Định năm 2020, với những nội dung sau:

1. Hiện trạng rừng tỉnh Bình Định năm 2020

a) Diện tích rừng, đất quy hoạch 3 loại rừng và đất ngoài quy hoạch 3 loại rừng mới trồng rừng nhưng chưa thành rừng

Đơn vị tính: ha

Số liệu các loại rừng, loại đất	Năm 2019	Năm 2020	Diễn biến (+/-)
Diện tích rừng và đất chưa có rừng	417.485,32	416.632,25	-853,07
1. Diện tích rừng	335.120,42	340.166,47	5.046,05
a) Diện tích rừng tự nhiên	216.196,50	215.295,18	-901,32
- Trong 3 loại rừng	215.850,39	214.962,77	-887,62
- Ngoài 3 loại rừng	346,11	332,41	-13,70
b) Diện tích rừng trồng	118.923,92	124.871,29	5.947,37
- Trong 3 loại rừng	91.831,21	96.312,24	4.481,03
- Ngoài 3 loại rừng	27.092,71	28.559,05	1.466,34
2. Diện tích chưa có rừng	82.364,90	76.465,78	-5.899,12
a) Mới trồng chưa thành rừng	45.471,65	39.281,96	-6.189,69
- Trong 3 loại rừng	35.494,39	31.487,76	-4.006,63

- Ngoài 3 loại rừng	9.977,26	7.794,20	-2.183,06
b) Đất chưa có rừng trong 3 loại rừng	36.893,25	37.183,82	290,57

b) Diện tích các loại rừng, loại đất thuộc quy hoạch 3 loại rừng

Đơn vị tính: ha

Số liệu các loại rừng, loại đất	Năm 2019	Năm 2020	Diễn biến (+/-)
Diện tích thuộc 3 loại rừng	380.069,24	379.946,59	-122,65
1. Đất có rừng	307.681,60	311.275,01	3.593,41
a) Diện tích rừng tự nhiên	215.850,39	214.962,77	-887,62
b) Diện tích rừng trồng	91.831,21	96.312,24	4.481,03
2. Đất chưa có rừng	72.387,64	68.671,58	-3.716,06
a) Mới trồng chưa thành rừng	35.494,39	31.487,76	-4.006,63
b) Đất chưa có rừng các loại	36.893,25	37.183,82	290,57

c) Diện tích các loại rừng, loại đất phân theo chức năng 3 loại rừng

Đơn vị tính: ha

Phân theo chức năng 3 loại rừng	Năm 2019	Năm 2020	Diễn biến (+/-)
Tổng diện tích	380.069,24	379.946,59	-122,65
1. Chức năng đặc dụng	32.839,65	32.839,65	0,00
a) Đất có rừng	27.495,37	27.419,06	-76,31
- Diện tích rừng tự nhiên	26.515,50	26.420,04	-95,46
- Diện tích rừng trồng	979,87	999,02	19,15
b) Đất chưa có rừng	5.344,28	5.420,59	76,31
- Mới trồng chưa thành rừng	360,22	336,05	-24,17
- Đất chưa có rừng các loại	4.984,06	5.084,54	100,48
2. Chức năng phòng hộ	178.550,37	178.509,25	-41,12
a) Đất có rừng	157.356,52	158.749,07	1.392,55
- Diện tích rừng tự nhiên	137.045,43	136.720,65	-324,78
- Diện tích rừng trồng	20.311,09	22.028,42	1.717,33
b) Đất chưa có rừng	21.193,85	19.760,18	-1.433,67
- Mới trồng chưa thành rừng	4.807,53	3.418,71	-1.388,82
- Đất chưa có rừng các loại	16.386,32	16.341,47	-44,85
3. Chức năng sản xuất	168.679,22	168.597,69	-81,53
a) Đất có rừng	122.829,71	125.106,88	2.277,17
- Diện tích rừng tự nhiên	52.289,46	51.822,08	-467,38
- Diện tích rừng trồng	70.540,25	73.284,80	2.744,55

b) Đất chưa có rừng	45.849,51	43.490,81	-2.358,70
- Mới trồng chưa thành rừng	30.326,64	27.733,00	-2.593,64
- Đất chưa có rừng các loại	15.522,87	15.757,81	234,94

d) Diện tích ngoài quy hoạch 3 loại rừng, gồm đất có rừng, đất mới trồng rừng chưa thành rừng và các loại đất khác

Đơn vị tính: ha

Số liệu các loại rừng, loại đất	Năm 2019	Năm 2020	Diễn biến (+/-)
Tổng diện tích	227.064,09	227.205,14	141,05
1. Diện tích có rừng và đất mới trồng rừng chưa thành rừng	37.416,08	36.685,66	-730,42
1.1. Đất có rừng	27.438,82	28.891,46	1.452,64
a) Diện tích rừng tự nhiên	346,11	332,41	-13,70
b) Diện tích rừng trồng	27.092,71	28.559,05	1.466,34
1.2. Đất mới trồng chưa thành rừng	9.977,26	7.794,20	-2.183,06
2. Diện tích không có rừng (đất lúa, thổ cư, đất công nghiệp,...)	189.648,01	190.519,48	871,47

2. Độ che phủ của rừng tỉnh Bình Định năm 2020

Độ che phủ của rừng tỉnh Bình Định năm 2020 đạt 56,03% tăng 0,83% so với năm 2019 (55,2%), cụ thể như sau:

$$\frac{340.166,47 \text{ ha}}{607.151,73 \text{ ha}} \times 100\% = 56,03\%$$

Trong đó:

a) Độ che phủ của rừng trong quy hoạch 3 loại rừng là:

$$\frac{311.275,01 \text{ ha}}{607.151,73 \text{ ha}} \times 100\% = 51,27\%$$

b) Độ che phủ của rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng là:

$$\frac{28.891,46 \text{ ha}}{607.151,73 \text{ ha}} \times 100\% = 4,76\%$$

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường công bố số liệu diễn biến rừng tỉnh Bình Định năm 2020; hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan sử dụng thống nhất số liệu tại Quyết định này phục vụ công việc có liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
- CVP, PVP NN;
- Cục Thống kê;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Quỹ BV và PTR tỉnh;
- TT TTCB;
- Lưu: VT, K13 (25b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh